

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/KDTM-ST

Ngày: 09-9-2022

V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Châu Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Ngô Văn Đơn;
2. Ông Nguyễn Minh Trí.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương:** Bà Nguyễn Thị Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 35/2022/TLST-TM ngày 19/5/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2022/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty A; trụ sở: phường HP, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Tuấn M, sinh năm 1989, chức vụ: Nhân viên và bà Nguyễn Thị Lê V, sinh năm 1997, chức vụ: Nhân viên. Là người đại diện theo ủy quyền của Công ty A (Văn bản ủy quyền ngày 10/5/2022). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty B; trụ sở: khu X, phường HP, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thế L; chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2022, quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Lê Tuấn M và bà Nguyễn Thị Lê V trình bày:*

Chi nhánh Công ty A (tại Bình Phước) với Công ty B đã ký Hợp đồng mua bán số 49B/HĐMB2019 ngày 08/11/2019 về việc cung cấp bê tông trộn sẵn cho công trình KDC Đất Xanh tại Bình Phước. Đến ngày 20/8/2020, 02 bên tiếp tục ký Phụ lục Hợp đồng số 13/PL.HĐMB2020 về việc cung cấp bê tông thương phẩm cho công trình Khu Đô Thị An Phú Long Garden tại Bình Dương

Quá trình thực hiện hợp đồng, Chi nhánh Công ty A đã thực hiện việc giao hàng tới công trình theo đúng theo yêu cầu về số lượng, chất lượng của Công ty B. Tuy nhiên Công ty B không thanh toán giá trị hợp đồng đúng theo thoả thuận tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng.

Ngày 30/09/2021, Các bên có biên bản xác nhận công nợ của Hợp đồng mua bán số 49B/HĐMB2019 và Phụ lục Hợp đồng số 13/PL.HĐMB2020. Tổng giá trị công nợ mà Công ty B còn phải thanh toán cho Công ty A là **453.369.867** đồng (*bốn trăm năm mươi ba triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm sáu mươi bảy đồng*).

Mặc dù Công ty A đã nhiều lần gọi điện, gửi công văn yêu cầu thanh toán nhưng Công ty B vẫn không thanh toán giá trị công nợ còn lại. Do đó, Công ty A khởi kiện Công ty B để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của mình.

Nay Công ty A yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty B phải thanh toán tiền nợ gốc cho Công ty A là: 453.369.867 đồng;

- Buộc Công ty B phải thanh toán số tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ ngày 30/09/2021 đến ngày xét xử (09/9/2022):  $453.369.867 \text{ đồng} \times 0,05\% \times 344 \text{ ngày} = 77.979.617 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền yêu cầu Công ty B phải thanh toán cho Công ty A: 531.349.484 đồng.

*\* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Công ty B vắng mặt và không cung cấp tài liệu chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty B có trụ sở tại địa chỉ: phường HP, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án nhân dân Thủ Dầu Một là nơi có thẩm quyền giải quyết theo quy định pháp luật tại Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Công ty A được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3700413XYZ và Công ty B được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương, cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3702812XYZ và đều có mục đích lợi nhuận. Do đó, đây là tranh chấp kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 1, Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về quan hệ pháp luật: Ngày 08/11/2019, hai bên có ký kết Hợp đồng kinh tế số 49B/HĐMB2019 về việc cung cấp bê tông trộn sẵn. Từ nội dung tranh chấp nêu trên, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” quy định tại Điều 24 Luật Thương mại.

[1.4] Về việc tham gia phiên tòa của các đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Công ty B vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa lần thứ hai. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với bị đơn. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Mặt khác, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông M và bà V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M và bà V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hợp đồng kinh tế số 49B/HĐMB2019 ngày 08/11/2019 về việc cung cấp bê tông trộn sẵn phục vụ thi công công trình tại KDC Đất Xanh tại Bình Phước, kèm theo là Phụ lục Hợp đồng số 13/PL.HĐMB2020 về việc cung cấp bê tông thương phẩm cho công trình Khu Đô Thị An Phú Long Garden tại tỉnh Bình Dương do Công ty A và Công ty B được ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung thỏa thuận mua bán hàng hóa không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp quy định tại Điều 24 Luật thương mại. Do đó, hợp đồng có giá trị thi hành đối với các bên.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty A đã thực hiện việc giao hàng tới công trình theo đúng yêu cầu về số lượng, chất lượng của Công ty B. Tuy nhiên, Công ty B không thanh toán giá trị hợp đồng đúng theo thỏa thuận tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng. Ngày 30/9/2021, các bên có biên bản xác nhận công nợ, xác định giá trị công nợ mà Công ty B còn phải thanh toán cho Công ty A là 453.369.867 đồng. Công ty A đã nhiều lần liên hệ nhưng Công ty B vẫn không thanh toán công nợ. Do đó, có căn cứ buộc Công ty B phải thanh toán cho Công ty A số tiền nợ gốc là 453.369.867 đồng

[2.2] Tiền lãi chậm thanh toán: Tại khoản 2.3 Điều 2 của hợp đồng các bên thỏa thuận: *Trong trường hợp quá 05 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà Bên B vẫn chưa thanh toán cho Bên A thì Bên B phải chịu phạt 0,05%/ngày trên số tiền mà Bên B chậm thanh toán.* Nay nguyên đơn yêu cầu tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ 30/9/2021 đến ngày 09/09/2022 là theo mức lãi suất 0,05%/ngày là 77.979.617 đồng cho Công ty A là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Bị đơn Công ty B được Tòa án ban hành và tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng bị đơn cũng không đến Tòa án tham gia trong suốt quá trình tố tụng được xem như từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2.4] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, tổng cộng là 531.349.484 đồng trong đó tiền nợ gốc là 453.369.867 đồng, tiền lãi 77.979.617 đồng

[3] Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về chi phí tố tụng khác (chi phí thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự): Nguyên đơn phải nộp số tiền 2.852.000 đồng (hai triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền nguyên đơn đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 24, Điều 306, Điều 319 Luật Thương mại;
- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, 227, 228, 239 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty A đối với Công ty B về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty B phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A số tiền tổng cộng là 531.349.484 đồng (Năm trăm ba mươi một triệu ba trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng); trong đó, tiền nợ gốc là 453.369.867 đồng, tiền lãi 77.979.617 đồng.

Kể từ tuyên án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 49B/HĐMB2019 ngày 08/11/2019 là 0,05%/ngày.

2. Về chi phí tố tụng khác (chi phí thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự): Công ty A phải nộp số tiền 2.852.000 đồng (Hai triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền nguyên đơn đã nộp tạm ứng tại Tòa án.

### 3. Án phí sơ thẩm:

Công ty B phải chịu số tiền 25.253.000 đồng (Hai mươi lăm triệu hai trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Hoàn trả cho Công ty A số tiền 11.503.000 đồng (Mười một triệu năm trăm linh ba nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001221 ngày 29/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Châu Giang**

**Các hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Hồng Thắm**